

Bản án số: 125/2024/DS-PT
Ngày: 17/7/2024
V/v tranh chấp thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thắm

Các Thẩm phán: Ông Thái Văn Hà

Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Duy Phương là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 161/2023/TLPT – DS ngày 28 tháng 11 năm 2023

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Phù Cát bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 79/2024/QĐPT-DS ngày 03 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trương Minh L, sinh năm 1969; Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. (có mặt)

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1956; Địa chỉ: A N, phường A, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (có mặt)

Bị đơn: 1. Ông Trương Minh C, sinh năm 1957; Cư trú tại: Ấp B, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. (có mặt)

2. Ông Trương Minh H, sinh năm 1969; Cư trú tại: Tổ A, khu phố E, thị trấn A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trương Thị L1, sinh năm 1967; Cư trú tại: Ấp B, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. (vắng mặt)

- Ông Trương Minh H1, sinh năm 1969; Cư trú tại: Ấp B, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. (vắng mặt)

- Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1975; Cư trú tại: **Thôn A, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định**. (vắng mặt)

- *Người kháng cáo*: Ông **Trương Minh L** là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 26 tháng 12 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông **Trương Minh L** trình bày:*

Cụ **Trương Đô** (chết năm 2015), cụ **Nguyễn Thị C1** (chết năm 2000) (cha mẹ cụ **D** và cha mẹ cụ **C1** chết trước cụ **D** và cụ **C1**) có 05 người con là: Ông **Trương Minh C**, bà **Trương Thị L1**, ông **Trương Minh L**, ông **Trương Minh H** và ông **Trương Minh H1**. Ông **Trương Minh H1** bị bệnh tâm thần đang sống chung với ông **L** từ năm 2018 đến nay. Di sản của cụ **D** và cụ **C1** để lại là thửa đất số 458, tờ bản đồ 7, diện tích 270m² (theo bản đồ VN2000 là thửa đất số 427, tờ bản đồ số 28), diện tích theo đo đạc thực tế là 511,4m² và 01 ngôi nhà cấp 4 xây dựng trên thửa đất tại **thôn A, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định**. Thửa đất trên đã được Ủy ban nhân dân **huyện P** cấp quyền sử dụng đất cho hộ cụ **Trương D1** vào ngày 17 tháng 10 năm 1997 tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ 1761QSĐĐ/E7. Ngày 01 tháng 10 năm 2011, cụ **D1** viết di chúc phân chia nhà và đất nói trên cho các con. Sau khi cụ **D1** chết, ông **Trương Minh C** không đồng ý thực hiện theo di chúc của cụ **D1** nên các anh chị em trong gia đình không thực hiện được. Nay ông **L** không thống nhất phân chia theo di chúc của cụ **D1** lập ngày 01/10/2011 mà ông yêu cầu Tòa án hủy di chúc của cụ **D1** lập ngày 01/10/2011 và Bản phân chia tài sản đất ở và nhà ở lập ngày 01/10/2011 và chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ **D1**. Cụ thể, chia đều đất ở, đất vườn thành 05 phần có diện tích bằng nhau cho 05 người con là: Ông **Trương Minh C**, bà **Trương Thị L1**, ông **Trương Minh L**, ông **Trương Minh H** và ông **Trương Minh H1**. Riêng ông **Trương Minh H1** bị bệnh tâm thần có Quyết định của Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự, ông đại diện theo pháp luật, ông trực tiếp quản lý phần di sản được hưởng của ông **H1** để chăm lo cho ông **H1** khi còn sống cũng như sau khi ông **H1** qua đời.

Thời điểm Nhà nước giao quyền sử dụng đất, hộ gia đình của cụ **D1** gồm có cụ **Trương D1** và cụ **Nguyễn Thị C1**. Khi cụ **Trương D1** còn sống có cho **Trần Văn T** mượn thửa đất để mở quán bán cà phê và làm khung sắt. Nay ông yêu cầu Tòa án buộc ông **Trần Văn T** tự tháo dỡ các công trình xây dựng trên đất để trả lại diện tích đất cho gia đình ông.

Ông **Trương Minh C** cho rằng ông **C** đã mượn tiền để nuôi cụ **D1** khi cụ **D1** ốm đau và nuôi ông **Trương Minh H1** bị tâm thần, ông **L** không đồng ý vì ông **H1** có chính sách Nhà nước nuôi, cụ **D1** đau bệnh có bảo hiểm. Ông thừa nhận ông **C** chi phí mai táng và xây mộ cho cụ **D1** từ 30.000.000đồng đến 50.000.000 đồng nên ông

L xin chịu một phần trong số tiền chi phí mai táng và xây mộ. Ông không thừa nhận việc ông Công khai chi phí bốc mộ của ông nội, bà nội ông từ **P** vào **B** hết 60.000.000 đồng.

*Bị đơn ông **Trương Minh C** trình bày:*

Về quan hệ gia đình và di sản của cụ **D1** và cụ **C1** để lại ông thống nhất như ông **Trương Minh L** trình bày. Ngày 01 tháng 10 năm 2011, cụ **D1** viết di chúc phân chia nhà và đất nói trên cho các con. Theo nội dung bản di chúc thì các anh em đều thống nhất bán một lô đất chiều ngang 5m, chiều dài 18,5m, tổng diện tích 92,5m² để lấy số tiền nuôi cụ **D1** và lo mai táng khi cụ **D1** qua đời. Nhưng vì ông muốn giữ lại tài sản của cha mẹ nên ông không bán đất theo như di chúc của cụ **D1** mà hàng tháng ông gửi tiền về nuôi cụ **D1** và chữa bệnh khi cụ **D1** đau ốm, khi cụ **D1** chết ông là người chi phí mai táng cho cụ **D1**. Ngoài ra, ông **C** còn chi số tiền 60.000.000 đồng để xây mộ mả của ông bà nội. Nay ông **Trương Minh L** yêu cầu Tòa án hủy di chúc của cụ **D1** lập ngày 01/10/2011 và Bản phân chia tài sản đất ở và nhà ở lập ngày 01/10/2011 để chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ **D1**, ông **C** đồng ý nhưng ông yêu cầu được hưởng công bảo quản, giữ gìn di sản và xin nhận kỷ phần thừa kế mà ông được hưởng bằng hiện vật.

*Bị đơn ông **Trương Minh H** trình bày:*

Về quan hệ gia đình và di sản của cụ **D1**, cụ **C1** để lại cũng như nội dung di chúc của cụ **D1** và Bản phân chia tài sản đất ở và nhà ở lập ngày 01/10/2011 ông thống nhất như ông **Trương Minh L** trình bày. Ông **H** thống nhất hủy di chúc và đồng ý chia di sản thừa kế theo pháp luật. Ông xin nhận kỷ phần thừa kế của ông bằng hiện vật. Ông **H** thừa nhận ông **Trương Minh C** đã chi khoản 300.000.000^d (ba trăm triệu đồng) để nuôi cụ **D1** và mai táng cụ **D1**. Ông Hiệp đồng ý trả lại cho ông **C** 30.000.000 đồng vì hiện nay ông **H** khó khăn.

*Ông **Trương Minh L** là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Trương Thị L1** trình bày:*

Ông thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn là yêu cầu Tòa án hủy di chúc và văn bản phân chia tài sản xác lập ngày 01/10/2011, thống nhất yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật và xin hưởng kỷ phần thừa kế theo quy định.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Trần Văn T** trình bày:*

Ông thừa nhận có mượn thửa đất số 458, tờ bản đồ 7 của cụ **D1** để dựng trụ sắt làm trại mở quán bán nước, từ khi dịch Covid-19 cho đến nay ông **T** không bán nữa. Nay ông **L**, ông **C** yêu cầu trả đất, ông **T** đồng ý tháo dỡ toàn bộ các tài sản mà ông đã xây dựng trên đất để trả lại đất mặt bằng cho anh em ông **L**. Ông **T** không có yêu cầu gì khác.

Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Phù Cát đã quyết định:

1. Hủy toàn bộ “Bản di chúc” và “Bản phân chia tài sản đất ở và nhà ở” ghi ngày 01 tháng 10 năm 2011.

2. Giao cho ông **Trương Minh C** 01 ngôi nhà cấp 4 và 339,3m² ở thửa đất số 427 (458), tờ bản đồ số 28 (07), trong đó có 40m² đất ở, còn lại đất vườn (có sơ đồ kèm theo) được trọn quyền sử dụng và sở hữu theo quy định của pháp luật.

3. Giao cho ông **Trương Minh H** diện tích 60,8m² đất ở, ở thửa đất số 427 (458), tờ bản đồ số 28 (07) (có sơ đồ kèm theo) được trọn quyền sử dụng và sở hữu theo quy định của pháp luật.

4. Giao cho ông **Trương Minh L** 99,2m² đất ở, ở thửa đất số 427 (458), tờ bản đồ số 28 (07) (có sơ đồ kèm theo) được trọn quyền sử dụng và sở hữu theo quy định của pháp luật.

5. Buộc ông **Trương Minh C** có nghĩa vụ thôi lại cho bà **Trương Thị L1** với số tiền 502.127.000^d (năm trăm linh hai triệu một trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

6. Buộc ông **Trương Minh H** có nghĩa vụ thôi lại cho bà **Trương Thị L1** với số tiền 22.879.000^d (hai mươi hai triệu tám trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

7. Buộc ông **Trương Minh L** có nghĩa vụ thôi lại cho ông **Trương Minh H1** với số tiền 466.993.195^d (bốn trăm sáu mươi sáu triệu chín trăm chín mươi ba nghìn một trăm chín mươi lăm đồng). Hiện nay ông **Trương Minh H1** đang bị bệnh tâm thần nên tạm giao số tiền trên cho ông **Trương Minh L** quản lý, nếu sau này có tranh chấp các bên giải quyết theo quy định của pháp luật.

8. Buộc ông **Trương Minh H** có nghĩa vụ thôi lại cho ông **Trương Minh H1** 60.114.000^d (sáu mươi triệu một trăm mười bốn nghìn đồng).

9. Buộc ông **Trần Văn T** phải có nghĩa vụ tháo toàn bộ vật liệu (khung sắt) trên thửa đất số 427 (458), tờ bản đồ số 28 (07) tọa lạc tại **thôn A, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định** để trả lại đất cho ông **C**, ông **L**, ông **H**.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 28 tháng 09 năm 2023, nguyên đơn ông **Trương Minh L** không đồng ý nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định.

Tại phiên Tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện đồng thời giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và bổ sung yêu cầu chia đều kỹ phần thừa kế cho các đồng thừa kế.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn, sửa Bản án sơ thẩm theo giá mà Hội đồng định giá ngày 04/4/2024 thực hiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các bên đương sự: Bị đơn ông **Trương Minh H** và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà **Trương Thị L1** có đơn xin xét xử vắng mặt, ông **Trương Minh H1**, ông **Trần Văn T** đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, thấy rằng:

[2.1] Đối với bản di chúc 01 tháng 10 năm 2011 và Bản phân chia tài sản nhà ở và đất ở ngày 01 tháng 10 năm 2011 do cụ **Trương D1** và các con của cụ **Trương D1** lập. Xét thấy, về nội dung và hình thức Bản di chúc và Bản phân chia tài sản nhà ở và đất ở không hợp pháp. Tại Tòa án cấp sơ thẩm và tại phiên tòa hôm nay các bên đương sự đều thống nhất yêu cầu Tòa án tuyên hủy Bản di chúc và Bản phân chia tài sản nhà ở và đất ở ngày 01 tháng 10 năm 2011. Đây là sự tự nguyện của của các đương sự và không trái với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử công nhận.

[2.2] Di sản của cụ **D1** và cụ **C1** để lại các bên khai thống nhất là thửa đất số 458, tờ bản đồ 7, diện tích 270m² (theo bản đồ VN2000 là thửa đất số 427, tờ bản đồ số 28), diện tích theo đo đạc thực tế là 511,4m² (200m² đất ở và 311,4m² đất vườn) và 01 ngôi nhà cấp 4 xây dựng trên thửa đất tại **thôn A, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định**. Thửa đất trên đã được Ủy ban nhân dân huyện P cấp quyền sử dụng đất cho hộ cụ **Trương D1** vào ngày 17 tháng 10 năm 1997 tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ 1761/QSĐĐ/E7. Diện tích đo đạc thực tế của thửa đất 458 tăng hơn so với diện tích thực tế nhưng căn cứ vào công văn số 68/UBND-ĐC ngày 14 tháng 5 năm 2020 (BL87) thì diện tích tăng nhưng ranh giới thửa đất không thay đổi, không có sự tranh chấp giữa các hộ liền kề, diện tích tăng là do sai số đo đạc nên Hội đồng xét xử lấy diện tích thực tế hiện nay để giải quyết. Theo biên bản định giá ngày 04/4/2024 thì giá trị di sản của cụ **D1** và cụ **C1** để lại là 2.462.876.850 đồng (9.000.000đồng/m² đất ở, 2.000.000đồng/m² đất vườn và ngôi nhà trên đất). Các bên đương sự thống nhất chia di sản thừa kế theo pháp luật.

[2.3] Xét yêu cầu được hưởng công công sức giữ gìn, bảo quản di sản của ông **Trương Minh C** thấy rằng: Theo nội dung Bản di chúc ngày 01 tháng 10 năm 2011 của cụ **Trương D1** và bản phân chia tài sản đất ở và nhà ở ngày 01 tháng 10 năm 2011 của cụ **Trương D1** và các con của cụ **Trương D1** thì cụ **D1** và các con của cụ **D1** đều thống nhất bán phần đất trong thửa đất số 458, tờ bản đồ 7 có chiều ngang 5m, chiều dài 18,5m, diện tích 92,5m² để lấy tiền nuôi dưỡng cụ **D1**, một người con của cụ **D1** là ông **Trương Minh H1** bị bệnh tâm thần và chi phí mai táng khi Cụ **D1** chết. Vì muốn giữ lại nguyên tài sản của Cụ **D1** và cụ **C1** nên ông **C** không làm theo ý chí của cụ **D1** và các anh em trong gia đình nên mới chi tiền của ông **C** để

nuôi cụ **D1** và mai táng khi cụ **D1** chết nên di sản của cụ **D1** mới còn nguyên như hôm nay. Tại đơn ghi ngày 12 tháng 9 năm 2009 của cụ **Trương D1** có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã **C**, cụ **Trương D1** cũng thừa nhận từ trước đến nay cụ **D1** sống nhờ tiền của ông **Trương Minh C**. Mặc khác, trong quá trình giải quyết vụ án ông **Trương Minh H**, ông **Trương Minh L** đều thừa nhận ông **C** là người chi khoản 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng để lo mai táng cho cụ **D1**. Như vậy, việc ông **C** yêu cầu được hưởng công bảo quản di sản là phù hợp với quy định tại Điều 618 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu được hưởng công giữ gìn, bảo quản di sản của ông **C** là phù hợp.

Căn cứ Án lệ số 05/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao thì ông **C** có công giữ gìn, bảo quản di sản nên được hưởng công bảo quản di sản là 410.479.475 đồng (2.462.876.850 đồng : 6)

[2.4] Như vậy, di sản của cụ **D1** và cụ **C1** để lại hiện nay có giá trị là 2.052.397.375 đồng (2.462.876.850 đồng - 410.479.475 đồng).

[2.5] Cha mẹ cụ **D1** và cụ **C1** đều chết trước hai cụ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 thì hàng thừa kế thứ nhất của cụ **D1**, cụ **C1** được hưởng di sản thừa kế theo pháp luật gồm có 05 người con của hai cụ là: Ông **Trương Minh C**, ông **Trương Minh L**, ông **Trương Minh H**, ông **Trương Minh H1** và bà **Trương Thị L1**.

[2.6] Phân chia di sản theo trị giá: Ông **C**, ông **L**, ông **H**, ông **H1**, bà **L1** mỗi người được nhận 410.479.475 đồng (2.052.397.375 đồng : 5). Riêng ông **C** được nhận công giữ gìn, bảo quản di sản nên được nhận tổng cộng là 820.958.950 đồng.

[2.7] Xét yêu cầu nhận hiện vật thấy rằng:

Tại cấp phúc thẩm bà **L1** có bản khai yêu cầu nhận hiện vật nhưng tại bản án sơ thẩm bà **L1** được chia kỹ phần thừa kế là giá trị, sau khi xét xử sơ thẩm bà **L1** không kháng cáo. Do đó, yêu cầu nhận kỹ phần thừa kế bằng hiện vật của Bà **L1** không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với ông **Trương Minh H1** là người mất năng lực hành vi dân sự (Quyết định số 07/2019/QĐST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Xuyên, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu) hiện nay đang được ông **Trương Minh L** nuôi dưỡng nên ông **H1** chỉ được nhận giá trị tài sản, ông **H1** hiện nay đang ở với ông **L** nên kỹ phần thừa kế của ông **H1** tạm giao cho ông **L** quản lý.

Như vậy, di sản của cụ **D1** và cụ **C1** là thửa đất số 458, tờ bản đồ 7 (theo bản đồ VN2000 là thửa đất số 427, tờ bản đồ số 28), diện tích theo đo đạc thực tế là 511,4m² (200m² đất ở và 311,4m² đất vườn) và 01 ngôi nhà cấp 4 xây dựng trên thửa đất tại thôn **A**, xã **C**, huyện **P**, tỉnh **Bình Định** sẽ được chia hiện vật cho ba người là: Ông **Trương Minh C**, ông **Trương Minh L** và ông **Trương Minh H**. Ông **C**, ông **L**,

ông **H** sẽ thối lại giá trị kỷ phần thừa kế cho bà **L1** và ông **H1**. Ông **C** có công giữ gìn di sản nên được chia diện tích đất nhiều hơn, cụ thể như sau:

- Chia giao cho ông **Trương Minh C** 211,4m² đất thuộc thửa đất 427, tờ bản đồ số 28 (70 m² đất ở và 141,4m² đất vườn) và ngôi nhà có trên đất, có tổng giá trị là 952.876.850 đồng. Có giới cận: Đông Giáp đường bê tông (nhựa); Tây giáp thửa số 426; Nam giáp phần đất cùng thửa chia cho ông **Trương Minh H**; Bắc giáp các thửa số 403, 404 và 405; (Ký hiệu A)

- Chia giao cho ông **Trương Minh H** 150m² đất thuộc thửa đất 427, tờ bản đồ số 28 (65 m² đất ở và 85m² đất vườn), có giá trị 755.000.000 đồng Có giới cận: Đông Giáp đường bê tông (nhựa); Tây giáp thửa số 426; Nam giáp phần đất cùng thửa chia cho ông **Trương Minh L**; Bắc đất cùng thửa chia cho ông **Trương Minh C**; (Ký hiệu B).

- Chia giao cho ông **Trương Minh L** 150m² đất thuộc thửa đất 427, tờ bản đồ số 28 (65 m² đất ở và 85m² đất vườn), có giá trị 755.000.000 đồng. Có giới cận: Đông Giáp đường bê tông (nhựa); Tây giáp thửa số 426; Nam giáp thửa đất số 445 và 446; Bắc đất cùng thửa chia cho ông **Trương Minh H**. (Ký hiệu C).

(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Các tài sản trên thửa đất gồm giếng nước và cây lâu niên các bên đương sự khai thông nhất không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Như vậy, ông **C** được nhận tài sản có giá trị 952.876.850 đồng nhiều hơn giá trị kỷ phần thừa kế ông được nhận là 131.917.900 đồng nên ông **C** phải thối lại giá trị kỷ phần thừa kế cho bà **L1** 131.917.900 đồng. Ông **L** và ông **H** mỗi người được nhận tài sản có giá trị 755.000.000 đồng nhiều hơn giá trị kỷ phần thừa kế mà mỗi ông được nhận là 344.520.525 đồng nên ông **H** phải thối lại cho bà **L1** 278.561.575 đồng và thối lại cho ông **H1** 65.958.950 đồng. Ông **L** thối lại cho ông **H1** 410.479.475 đồng. Ông **H1** hiện nay đang được ông **L** nuôi dưỡng nên giá trị kỷ phần thừa kế của ông **H1** thì ông **L** là người đại diện nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông **L** yêu cầu giải quyết hai thửa đất nông nghiệp do vợ chồng cụ **D1** khai hoang để lại nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà theo các bên đương sự khai hiện nay đã cho người khác sử dụng. Tuy nhiên, lời trình bày của các bên đương sự chưa đủ căn cứ xác định đó là di sản hợp pháp của vợ chồng cụ **D1** để lại nên không có cơ sở xem xét. Hơn nữa, tại phiên tòa phúc thẩm, ông **C** không yêu cầu giải quyết di sản này và đồng ý để giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu nên không có cơ sở xem xét.

[2.8] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông **Trương Minh L**, sửa Bản án dân sự sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 7 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Ông **Trương Minh C**, bà **Trương Thị L1** và ông **Trương Minh H1** được miễn; ông **Trương Minh L** và **Trương Minh H** mỗi người phải chịu 20.419.179 đồng.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, ông **Trương Minh L** không phải chịu.

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí định giá tài sản tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm là 23.200.000 đồng, ông **Trương Minh C**, ông **Trương Minh L**, ông **Trương Minh H**, ông **Trương Minh H1** và bà **Trương Thị L1** mỗi người phải chịu 4.640.000 đồng. Ông **L** đã nộp tạm ứng chi phí đo đạc, định giá tài sản nên ông **C**, ông **H**, ông **H1** và bà **L1** có nghĩa vụ trả cho ông **L** 4.640.000 đồng.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị chấp nhận không nội dung kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm là phù hợp với một phần nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 609, 613, 615, 616, 617, 618, 624, 625, 626, 627, 628, 649, 650 và 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Án lệ số 05/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 7 Điều 27 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông **Trương Minh L**.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Trương Minh L**.

4. Hủy toàn bộ “Bản di chúc” và “Bản phân chia tài sản đất ở và nhà ở” ghi ngày 01 tháng 10 năm 2011 của cụ **Trương D1** và các con cụ **Trương Đô**. Chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ **Trương D1** và cụ **Nguyễn Thị C1**.

4.1. Chia giao cho ông **Trương Minh C** 211,4m² đất (70 m² đất ở và 141,4m² đất vườn) thuộc thửa đất 458, tờ bản đồ 7 (theo bản đồ VN2000 là thửa đất số 427, tờ bản đồ số 28) và ngôi nhà cấp 4 có trên đất tại **thôn A, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định** có tổng giá trị là 952.876.850 đồng, có giới cận: Đông Giáp đường nhựa; Tây

giáp thửa số 426; Nam giáp phần đất cùng thửa chia cho ông Trương Minh H; Bắc giáp các thửa số 403, 404 và 405. (Ký hiệu A)

4.2. Chia giao cho ông Trương Minh H 150m² đất (65 m² đất ở và 85m² đất vườn) thuộc thửa đất 458, tờ bản đồ 7 (theo bản đồ VN2000 là thửa đất số 427, tờ bản đồ số 28) tại thôn A, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định, có giá trị 755.000.000 đồng, có giới cận: Đông Giáp đường nhựa; Tây giáp thửa số 426; Nam giáp giáp phần đất cùng thửa chia cho ông Trương Minh L; Bắc đất cùng thửa chia cho ông Trương Minh C. (Ký hiệu B)

4.3. Chia giao cho ông Trương Minh L 150m² đất (65 m² đất ở và 85m² đất vườn) thuộc thửa đất 458, tờ bản đồ 7 (theo bản đồ VN2000 là thửa đất số 427, tờ bản đồ số 28) tại thôn A, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định, có giá trị 755.000.000 đồng, có giới cận: Đông Giáp đường nhựa; Tây giáp thửa số 426; Nam giáp thửa đất số 445 và 446; Bắc đất cùng thửa chia cho ông Trương Minh H. (Ký hiệu C)

(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

4.4. Buộc ông Trương Minh C phải thối lại giá trị ký phần thừa kế cho bà Trương Thị L1 131.917.900 đồng.

4.5. Buộc ông Trương Minh L phải thối lại cho ông Trương Minh H1 410.479.475 đồng.

4.6. Buộc ông Trương Minh H phải thối lại cho bà Trương Thị L1 278.561.575 đồng và thối lại cho ông Trương Minh H1 65.958.950 đồng.

Ông Trương Minh H1 hiện nay đang được ông Trương Minh L nuôi dưỡng nên giá trị ký phần thừa kế của ông H1 thì ông L là người đại diện nhận.

4.7. Buộc ông Trần Văn T phải có nghĩa vụ tháo toàn bộ vật liệu (khung sắt) trên thửa đất số 458, tờ bản đồ 7 (theo bản đồ VN2000 là thửa đất số 427, tờ bản đồ số 28) tại thôn A, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định để trả lại đất cho ông C, ông L, ông H.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương Minh C, bà Trương Thị L1 và ông Trương Minh H1 được miễn; ông Trương Minh L và Trương Minh H mỗi người phải chịu 20.419.179 đồng; Riêng ông L được trừ 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0004346 ngày 21 tháng 6 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phù Cát nên còn phải nộp là 20.119.179 đồng.

Hoàn trả cho ông Trương Minh C 300.000đồng tiền tạm ứng án phí khởi kiện ông Trương Minh C đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008914 ngày 24 tháng 9 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phù Cát.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Trương Minh L không phải chịu.

7. Về chi phí tố tụng: Chi phí định giá tài sản tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm là 23.200.000 đồng, ông Trương Minh C, ông Trương Minh L, ông Trương Minh H, ông Trương Minh H1 và bà Trương Thị L1 mỗi người phải chịu 4.640.000 đồng. Ông L đã nộp tạm ứng chi phí đo đạc, định giá tài sản nên ông C, ông H, ông H1 và

bà **L1** có nghĩa vụ trả cho ông **L** 4.640.000 đồng.

8. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

9. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

9.1 Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

9.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

10. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện Phù Cát;
- Chi cục THADS huyện Phù Cát;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thắm

Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Duyên và bà Nguyễn Thị Liên thuộc diện người cao tuổi nên không phải chịu án phí theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Bà Nguyễn Thị Quyên và ông Nguyễn Văn Hóa mỗi người phải chịu là 27.068.507đ.

- Bà Nguyễn Thị Vân và anh Nguyễn Văn Hào mỗi người phải chịu 300.000(ba trăm nghìn) đồng án phí. Bà Nguyễn Thị Vân được trừ vào 300.000(ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0004838 ngày 27/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

[9.2] Lệ phí đo đạc định giá 5.000.000đ (năm triệu) đồng, bà Nguyễn Thị Duyên phải chịu 3.000.000đ; bà Nguyễn Thị Quyên, bà Nguyễn Thị Liên và anh Nguyễn Văn Hóa mỗi người phải chịu 500.000đ (năm trăm nghìn) đồng; bà Nguyễn Thị Vân và anh Nguyễn Văn Hào mỗi người phải chịu 250.000đ (hai trăm) đồng. Bà Nguyễn Thị Duyên đã nộp tạm ứng, nên buộc bà Nguyễn Thị Quyên, bà Nguyễn Thị Liên và anh Nguyễn Văn Hóa, bà Nguyễn Thị Vân và anh Nguyễn Văn Hào phải hoàn trả lại cho bà Duyên.

- 79m² đất ở còn lại của thửa đất số 376, tờ bản đồ số 5 và Lô đất số 18 (khu A12) thuộc thửa đất số 969, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại khu vực Kim Châu, phường Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định phải giao lại cho bà Liên và ông Hóa: 2.975.000.000 đồng - 1.153.425.369 đồng/kỷ phần = 1.821.574.631 đồng giá trị chênh lệch kỷ phần được nhận (trong đó giao cho bà Liên 1.153.425.369 đồng và ông Hóa 668.149.262 đồng). Ngoài ra bà Duyên còn được sở hữu 339.077.476 đồng (gốc và lãi tính đến ngày 01/3/2022) tiền gửi tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam-Chi nhánh Phú Tài, mà các đồng thừa kế đã thống nhất giao cho bà Duyên, để trừ vào số tiền bà Duyên đã thực hiện nghĩa vụ tài chính làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bà Duyên còn phải giao lại cho bà Liên, bà Quyên và ông Hóa mỗi người với số tiền chênh lệch còn lại là: 339.077.476 đồng - 332.376.000 đồng = 6.701.476 đồng : 4 người = 1.675.369 đồng/người.

Ông Trương Bá Khiêm được trọn quyền sử dụng thửa đất số 134, tờ bản đồ số 68, diện tích 273m² tọa lạc tại thôn Vân Hội 1, thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định (Số nhà 135 đường Trần Phú, thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định), hiện ông Khiêm đang quản lý và ông Khiêm phải có nghĩa vụ giao lại cho bà Trương Thị Lê 2.213.516.666 đồng, ông Trương Bá Khôi 2.213.516.666 đồng và bà Trương Thị Luyến 405.533.000 đồng giá trị chênh lệch di sản được nhận.

4.2 Ông Trương Bá Kháng được trọn quyền sử dụng thửa đất số 120, tờ bản đồ số 68, diện tích 196,1m² tọa lạc tại thôn Vân Hội 1, thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định (Số nhà 141 đường Trần Phú, thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định), hiện ông Kháng đang quản lý và phải có nghĩa vụ giao lại

cho bà Trương Thị Luyến 74.316.667 đồng giá trị chênh lệch di sản được nhận. Ngoài ra ông Kháng còn phải giao thừa đất 114, tờ bản đồ số 68, diện tích 207,4m² tọa lạc tại thôn Vân Hội 1, thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước, hiện do ông Kháng đang quản lý cho bà Luyến trọn quyền sử dụng và thừa đất số 280, tờ bản đồ số 68, diện tích 100,4m² tọa lạc tại thôn Vân Hội 1, thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định (Số 143 đường Trần Phú, thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định), hiện do ông đang quản lý cho anh Trương Phúc Hải trọn quyền sử dụng.

4.3 Anh Trương Phúc Hải được trọn quyền sử dụng thừa đất số 280, tờ bản đồ số 68, diện tích 100,4m² tọa lạc tại thôn Vân Hội 1, thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định (Số 143 đường Trần Phú, thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định), do ông Trương Bá Kháng giao lại và phải có nghĩa vụ giao cho bà Trương Thị Luyến 707.666.654 đồng, anh Trương Phúc Hải 1.127.616.000 đồng giá trị chênh lệch kỹ phần được nhận.

4.4 Bà Trương Thị Luyến được trọn quyền sử dụng thừa đất 114, tờ bản đồ số 68, diện tích 207,4m² tọa lạc tại thôn Vân Hội 1, thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước, do ông Trương Bá Kháng giao lại và trọn quyền sở hữu 1.187.516.666 đồng giá trị chênh lệch kỹ phần thừa kế, (trong đó ông Trương Bá Khiêm giao lại 405.533.000 đồng, ông Trương Bá Kháng giao lại 74.316.667 đồng và anh Trương Phúc Hải giao lại 707.666.654 đồng).

4.5 Anh Trương Phúc Hải được trọn quyền sử dụng thừa đất số 279, tờ bản đồ số 68, diện tích 1.102,2m² tọa lạc tại thôn Vân Hội 1, thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, hiện anh đang quản lý và trọn quyền sở hữu 1.127.616.000 đồng giá trị chênh lệch kỹ phần thừa kế do anh Trương Phúc Hải giao lại.

4.6 Bà Trương Thị Lê được trọn quyền sở hữu 2.213.516.666 đồng giá trị chênh lệch kỹ phần thừa kế do ông Trương bá Khiêm giao lại.

4.7 Ông Trương Bá Khôi được trọn quyền sở hữu 2.213.516.666 đồng giá trị chênh lệch kỹ phần thừa kế do ông Trương bá Khiêm giao lại.

4.8 Anh Trương Phúc Hải phải có nghĩa vụ trả cho ông Trương Bá Khiêm 06 (Sáu) chỉ vàng 97%.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về án phí, chi phí tố tụng khác:

5.1 Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị Lê, ông Trương Bá Kháng, ông Trương Bá Khiêm được miễn nộp. Bà Trương Thị Luyến và ông Trương Bá Khôi mỗi người phải chịu 99.148.667 đồng. Anh Trương Phúc Hải phải chịu 62.361.480 đồng. Anh Trương Phúc Hải phải chịu 62.361.480 đồng, nhưng được khấu trừ vào 2.673.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo các Biên lai thu số: 29 quyển số 4

ngày 03/6/1994; số: 09011 ngày 17/11/2015; số: 09115 ngày 29/01/2016 tại Chi cục Thi hành án huyện Tuy Phước. Anh Hải còn phải nộp 59.688.400 đồng.

5.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho ông Trương Bá Khiêm 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số: 0006955 ngày 13 tháng 9 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

5.3 Về chi phí tố tụng: Bà Trương Thị Lê, ông Trương Bá Kháng, bà Trương Thị Luyện, ông Trương Bá Khôi, anh Trương Phúc Hiền mỗi người phải hoàn trả cho anh **Trương Phúc Hải** 6.714.000 đồng. Ông Khiêm phải hoàn trả cho anh Hải 2.714.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

THÀNH VIÊN HĐXX

THÂM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thắm Phan Minh Dũng Võ Công Phương

THÀNH VIÊN HĐXX THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thắm Phan Minh Dũng Võ Công Phương

